

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Bà Vũ Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST–HNGĐ ngày 09/7/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Trịnh Thị H** – sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 04, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Duy H** – sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 04, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020, bản tự khai nguyên đơn Trịnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Duy H kết hôn vào ngày 23/10/2003 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới dọa nạt gây sự với vợ con. Mặc dù hai bên gia đình, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng anh H không thay đổi. Hiện tại chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 08, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái sinh sống, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh H có 01 con chung Nguyễn Duy H, sinh ngày 24/01/2005. Sau khi ly hôn, do điều kiện đang đi làm ăn xa nên chị có nguyện

vọng để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền: 1.000.000^d (một triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Duy H nhất trí về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn với nội dung như chị H đã trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về cách phát triển kinh tế gia đình, thời gian chị H đi làm ăn xa anh đã khắc phục khuyết điểm tuy nhiên vợ chồng không thể thống nhất trao đổi gì với nhau. Do mâu thuẫn nên tháng 07/2020 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị H yêu cầu ly hôn, xác định tình cảm vẫn con anh H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung Nguyễn Duy H, sinh ngày 24/01/2005. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H, về con chung giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Duy H kết hôn vào ngày 23/10/2003 có đăng ký kết hôn tại xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp trong việc phát triển kinh tế gia đình, anh H có uống rượu dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi

nhau, chửi bới... Từ tháng 07/2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị H bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Lời khai của các đương sự là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại Thôn 04, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Từ khi chị H có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành hòa giải, tại phiên hòa giải nguyên đơn vẫn giữ nguyên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn. Đối với bị đơn anh H tuy không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị H và anh H có 01 con chung Nguyễn Duy H, sinh ngày 24/01/2005. Tại phiên hòa giải các đương sự thỏa thuận nếu ly hôn anh Nguyễn Duy H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị Trịnh Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền: 1.000.000^d/tháng (*một triệu đồng*). Tại biên bản lấy lời khai, cháu H có nguyện vọng được ở cùng bố, mặt khác kết quả xác minh xác định anh H hiện tại ở địa phương có thu nhập, chỗ ở ổn định.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự cũng như nguyện vọng của con chung không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: chị Trịnh Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Duy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy H, sinh ngày 24/01/2005. Chị Trịnh Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền: 1.000.000^d (một triệu đồng)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2020 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, anh H đã yêu cầu thi hành án mà chị H chểm trễ khoản tiền cấp dưỡng trên thực tế chểm trễ lại với số tiền chểm trễ tăng cộng với thêm gian chểm trễ; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0008206 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị H còn phải nộp số tiền 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trên cơ sở bản án, quyết định của Hội đồng xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự theo yêu cầu của pháp luật, từ nguyên thi hành án hoặc bị còng chõ thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thêm hiệu thi hành án của thủ tục hôn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;

- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh

